HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HUẾ

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 3 - TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2014

STT	Mã HS	Ng	Họ và tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường PT	KV	ĐT	Toán	Sinh	ĐTC
1	276	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thế	Anh	5/6/1996	3102 Huyện Tuyên Hoá	31010 THPT Lê Trực-Tuyên Hoá	1		6.3	7.1	14.9
2	160	Điều dưỡng GMHS	Trần Quốc	Anh	24/3/1996	3302 Huyện Phong Điền	33012 THPT Tam Giang	2NT		6.4	7.0	14.4
3	303	Điều dưỡng GMHS	Dương Thị	Bình	14/6/1996	3107 Huyện Lệ Thuỷ	31040 THPT Trần Hưng Đạo -Lệ T	1		6.8	6.5	14.8
4	BĐ.8	Điều dưỡng GMHS	H'Nhuan	BKrông	9/7/1997	6303 Huyện Dăk Mil	63011 TT GDTX Đăk Mil	1	01	5.5	6.0	15.0
5	146	Điều dưỡng GMHS	Trần Thị Lệ	Chung	6/7/1995	3204 Huyện Gio Linh	32040 THPT Gio Linh	2NT		6.2	7.8	15.0
6	380	Điều dưỡng GMHS	Phan Quốc	Cường	17/6/1995	3301 Thành phố Huế	33003 THPT Nguyễn Huệ	2		7.3	6.4	14.2
7	140	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Đức	Đạt	14/7/1996	3304 Huyện Hương Trà	33030 THPT Bình Điền	1		6.6	6.4	14.5
8	204	Điều dưỡng GMHS	Hoàng Thị Hồng	Dung	26/2/1996	3105 Huyện Bố Trạch	31025 THPT số 1 Bố Trạch	2NT		6.9	7.1	15.0
9	93	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị	Dung	3/6/1996	3306 Huyện Hương Thuỷ	33019 THPT Phú Bài	2		7.1	6.8	14.4
10	379	Điều dưỡng GMHS	Mai Thị	Dung	1/12/1996	3204 Huyện Gio Linh	32026 THPT Lê Lợi Đông Hà	2		7.3	6.7	14.5
11	BĐ.48	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thảo	Hà	25/6/1995	3104 Huyện Quảng Trạch	31021 THPT số 3 Quảng Trạch	1		6.5	6.9	14.9
12	60	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Thu	Hà	24/12/1996	3302 Huyện Phong Điền	33037 THPT Trần Văn Kỷ	1		7.1	6.2	14.8
13	68	Điều dưỡng GMHS	Đỗ Ngọc Trần	Hải	30/4/1996	3304 Huyện Hương Trà	33027 THPT Hương Vinh	2		6.9	7.1	14.5
14	151	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Hè	11/2/1996	3307 Huyện Phú Lộc	33020 THPT An Lương Đông	2NT		6.1	7.7	14.8
15	170	Điều dưỡng GMHS	Hồ Thị Diệu	Hiền	18/2/1996	3306 Huyện Hương Thuỷ	33019 THPT Phú Bài	2		6.7	7.9	15.1
16	34	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Hiền	30/9/1996	3306 Huyện Hương Thuỷ	33019 THPT Phú Bài	2		7.7	6.6	14.8
17	215	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Hiếu	20/10/1995	3205 Huyện Cam Lộ	32026 THPT Lê Lợi Đông Hà	2		6.8	7.0	14.3
18	291	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Thanh	Hoa	20/8/1995	2905 Huyện Nghĩa Đàn	29026 THPT Cờ Đỏ	1		6.0	6.8	14.3
19	BĐ.37	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Hoa	10/2/1996	3104 Huyện Quảng Trạch	31019 THPT số 1 Quảng Trạch	2NT		6.9	7.1	15.0
20	338	Điều dưỡng GMHS	Đàm Thị Thái	Hòa	6/4/1993	3104 Huyện Quảng Trạch	33009 TT GDTX TP Huế	2		7.0	6.7	14.2
21	328	Điều dưỡng GMHS	Phan Thị Khánh	Hòa	30/8/1996	3107 Huyện Lệ Thuỷ	31041 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		7.5	6.4	14.9
22	251	Điều dưỡng GMHS	Đào Thị	Hoài	21/1/1996	3303 Huyện Quảng Điền	33044 THPT Tố Hữu	1		6.9	6.7	15.1
23	305	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị	Huế	12/3/1995	3207 Huyện Hải Lăng	32011 THPT Bùi Dục Tài	2NT		7.0	6.6	14.6
24	BĐ.56	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Huệ	1/12/1996	3104 Huyện Quảng Trạch	31022 THPT số 4 Quảng Trạch	2NT		6.8	6.7	14.5
25	BĐ.9	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Quang	Hưng	28/10/1993	3206 Huyện Triệu Phong	32020 THPT Triệu Phong	2NT		6.9	7.2	15.1
26	229	Điều dưỡng GMHS	Hồ Thị Thiên	Hương	15/2/1996	3303 Huyện Quảng Điền	33014 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		5.2	8.0	14.2

STT	Mã HS	Ng	Họ và tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường PT	KV	ĐT	Toán	Sinh	ĐTC
27	BĐ.35	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Hường	25/5/1996	3104 Huyện Quảng Trạch	31020 THPT số 2 Quảng Trạch	2NT		6.9	7.0	14.9
28	211	Điều dưỡng GMHS	Lê Chí	Khoa	4/1/1996	3307 Huyện Phú Lộc	33022 THPT Phú Lộc	2NT		6.5	7.0	14.5
29	357	Điều dưỡng GMHS	Hồ Thị	Kiều	20/11/1996	3309 Huyện A Lưới	33024 THPT A Lưới	1	01	5.4	5.3	14.2
30	76	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Kim	20/10/1994	3303 Huyện Quảng Điền	33014 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		5.4	7.9	14.3
31	BĐ.10	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Lãn	27/12/1996	3107 Huyện Lệ Thuỷ	31045 Trường THCS và THPT Dư	2NT		8.0	5.7	14.7
32	320	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Liễu	14/11/1996	3304 Huyện Hương Trà	33041 THPT Hương Trà	2		7.3	7.2	15.0
33	BĐ.27	Điều dưỡng GMHS	Cao Thị Mỹ	Linh	17/12/1996	3010 Huyện Kỳ Anh	30003 THPT Nguyễn Huệ	1		5.4	7.7	14.6
34	78	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Hồng	Loan	27/10/1995	3305 Huyện Phú Vang	33035 THPT Thuận An	2NT		6.7	6.5	14.2
35	13	Điều dưỡng GMHS	Trần Văn Trọng	Lộc	4/9/1996	3301 Thành phố Huế	33042 THPT Cao Thắng	2		7.8	6.8	15.1
36	358	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Sa	Ly	28/3/1996	3309 Huyện A Lưới	33024 THPT A Lưới	1	01	5.0	6.2	14.7
37	222	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Tuyết	Mai	13/6/1994	3107 Huyện Lệ Thuỷ	31041 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		6.6	7.3	14.9
38	36	Điều dưỡng GMHS	Đỗ Thị Hoài	My	3/12/1995	3304 Huyện Hương Trà	33027 THPT Hương Vinh	2		7.0	7.3	14.8
39	89	Điều dưỡng GMHS	Phan Thị Diệu	My	19/6/1996	3307 Huyện Phú Lộc	33020 THPT An Lương Đông	2NT		7.0	6.3	14.3
40	39	Điều dưỡng GMHS	Trần Thị Diễm	My	26/10/1996	3307 Huyện Phú Lộc	33020 THPT An Lương Đông	2NT		6.0	7.2	14.2
41	236	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Ly	Na	15/2/1996	3305 Huyện Phú Vang	33018 THPT Hương Thủy	2		6.5	8.0	15.0
42	257	Điều dưỡng GMHS	Trần Văn	Nam	27/5/1996	3105 Huyện Bố Trạch	31029 Trường THCS và THPT Việ	1		5.6	7.3	14.4
43	138	Điều dưỡng GMHS	Hoàng Thị Tố	Nga	26/8/1996	3104 Huyện Quảng Trạch	31020 THPT số 2 Quảng Trạch	2NT		5.7	7.8	14.5
44	137	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Thúy	Nga	24/1/1996	3102 Huyện Tuyên Hoá	31009 THPT Tuyên Hoá	1		7.1	6.3	14.9
45	310	Điều dưỡng GMHS	Lý Thị Thanh	Nga	5/11/1994	3201 Thành phố Đông Hà	32027 THPT Phan Châu Trinh	2		7.4	7.2	15.1
46	152	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Hằng	Nga	29/10/1995	3104 Huyện Quảng Trạch	31022 THPT số 4 Quảng Trạch	2NT		5.8	7.7	14.5
47	345	Điều dưỡng GMHS	Đỗ Thị	Ngân	16/2/1996	3302 Huyện Phong Điền	33011 THPT Phong Điền	2NT		6.9	7.1	15.0
48	BĐ.4	Điều dưỡng GMHS	Tô Thị Thúy	Ngân	2/1/1996	3003 Huyện Hương Sơn	30028 THPT Lý Chính Thắng	1		6.5	6.9	14.9
49	270	Điều dưỡng GMHS	Huỳnh Thị Thúy	Ngọc	14/2/1996	3308 Huyện Nam Đông	33023 THPT Nam Đông	1		7.8	5.5	14.8
50	109	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Ngọc	22/10/1996	3305 Huyện Phú Vang	33035 THPT Thuận An	2NT		7.0	6.8	14.8
51	246	Điều dưỡng GMHS	Trương Thị	Ngọc	10/2/1996	3306 Huyện Hương Thuỷ	33042 THPT Cao Thắng	2		5.3	8.4	14.2
52	163	Điều dưỡng GMHS	Hồ Duy	Nhật	27/12/1996	3303 Huyện Quảng Điền	33014 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		6.5	7.4	14.9
53	306	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Thanh	Nhật	3/3/1996	3306 Huyện Hương Thuỷ	33018 THPT Hương Thủy	2		7.1	7.1	14.7
54	BĐ.44	Điều dưỡng GMHS	Bùi Thị	Nhung	21/12/1996	3106 Huyện Quảng Ninh	31033 THPT Quảng Ninh	2NT		6.5	7.2	14.7

STT	Mã HS	Ng	Họ và tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường PT	KV	ĐT	Toán	Sinh	ĐTC
55	290	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị	Nhung	28/11/1996	3107 Huyện Lệ Thuỷ	31039 THPT Hoàng Hoa Thám - L	1		6.0	6.7	14.2
56	52	Điều dưỡng GMHS	Hồ Ngọc Diễm	Ni	2/10/1996	3301 Thành phố Huế	33007 THPT Nguyễn Trường Tộ	2		6.6	7.2	14.3
57	282	Điều dưỡng GMHS	Hồ Thị	Nức	4/2/1996	3309 Huyện A Lưới	33025 THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	1	01	4.7	6.2	14.4
58	124	Điều dưỡng GMHS	Trần Nhật	Phong	11/6/1994	3107 Huyện Lệ Thuỷ	31041 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		6.9	7.0	14.9
59	271	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị	Phúc	16/4/1996	3308 Huyện Nam Đông	33023 THPT Nam Đông	1		6.6	6.2	14.3
60	134	Điều dưỡng GMHS	Đỗ Thị Thùy	Phương	10/12/1995	3307 Huyện Phú Lộc	33061 TTGDTX Phú Lộc	2NT	06	5.1	7.2	14.3
61	365	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Hà	Phương	21/4/1995	3207 Huyện Hải Lăng	32011 THPT Bùi Dục Tài	2NT		7.8	6.0	14.8
62	298	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	12/4/1995	3306 Huyện Hương Thuỷ	33038 THPT DL Trần Hưng Đạo	2		8.0	5.8	14.3
63	245	Điều dưỡng GMHS	Trương Thị Mỹ	Phương	9/10/1996	3304 Huyện Hương Trà	33027 THPT Hương Vinh	2		7.3	6.5	14.3
64	84	Điều dưỡng GMHS	Đặng Thị	Quỳnh	1/5/1996	2912 Huyện Diễn Châu	29062 THPT Diễn Châu 5	2NT		6.4	6.8	14.2
65	370	Điều dưỡng GMHS	Đỗ Thị	Sim	23/9/1995	3306 Huyện Hương Thuỷ	33046 THPT Nguyễn Trãi	2		7.4	6.6	14.5
66	BĐ.1	Điều dưỡng GMHS	Đinh Thị	Sương	20/3/1996	3104 Huyện Quảng Trạch	31020 THPT số 2 Quảng Trạch	2NT		6.0	7.6	14.6
67	153	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Thanh	Tâm	29/11/1996	3303 Huyện Quảng Điền	33008 THPT Hoá Châu	1		6.7	6.0	14.2
68	275	Điều dưỡng GMHS	Lương	Tâm	28/8/1996	3304 Huyện Hương Trà	33027 THPT Hương Vinh	2		7.1	7.1	14.7
69	BĐ.52	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Diệu	Thanh	12/2/1996	3101 Thành phố Đồng Hới	31002 THPT Đào Duy Từ, Đồng H	2		7.4	6.7	14.6
70	107	Điều dưỡng GMHS	Hồ	Thạnh	25/8/1994	3306 Huyện Hương Thuỷ	33031 THPT Vinh Xuân	1		6.0	7.1	14.6
71	2	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Phương	Thão	8/5/1995	3206 Huyện Triệu Phong	32062 THPT Nguyễn Hữu Thận	2NT		7.0	6.6	14.6
72	165	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Thu	Thảo	29/8/1995	3207 Huyện Hải Lăng	32012 THPT Hải Lăng	2NT		6.3	6.9	14.2
73	325	Điều dưỡng GMHS	Phạm Thị Thu	Thảo	6/12/1996	3307 Huyện Phú Lộc	33026 THPT Thừa Lưu	2NT		6.6	7.2	14.8
74	168	Điều dưỡng GMHS	Phan Lê Phương	Thảo	20/10/1995	3208 Huyện Hướng Hoá	32034 THPT Hướng Hoá	1		6.3	6.8	14.6
75	192	Điều dưỡng GMHS	Trần Thị Ngọc	Thảo	26/1/1996	3305 Huyện Phú Vang	33035 THPT Thuận An	2NT		6.5	6.8	14.3
76	315	Điều dưỡng GMHS	Đỗ Thị	Thau	6/5/1996	3305 Huyện Phú Vang	33031 THPT Vinh Xuân	1		6.7	6.2	14.4
77	BĐ.5	Điều dưỡng GMHS	Hồ Thị	Thiếc	5/5/1991	3309 Huyện A Lưới	33039 THPT Hương Lâm	1	01	5.0	5.8	14.3
78	8	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Giáng	Thu	16/10/1995	3301 Thành phố Huế	33029 THPT Đặng Trần Côn	2		6.9	7.1	14.5
79	156	Điều dưỡng GMHS	Tôn Nữ Anh	Thư	16/4/1996	3301 Thành phố Huế	33005 THPT Bùi Thị Xuân	2		7.6	6.9	15.0
80	BĐ.40	Điều dưỡng GMHS	Phan Thị	Thuận	18/7/1995	3101 Thành phố Đồng Hới	31003 THPT Đồng Hới	2		7.0	6.7	14.2
81	38	Điều dưỡng GMHS	Hồ Thị Út	Thương	20/2/1994	3309 Huyện A Lưới	33039 THPT Hương Lâm	1	01	5.3	5.4	14.2
82	94	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Thu	Thúy	28/4/1996	3101 Thành phố Đồng Hới	31005 THPT Phan Đình Phùng	2		7.0	6.9	14.4
83	BĐ.38	Điều dưỡng GMHS	Đặng Thị Mỹ	Trang	1/10/1996	3105 Huyện Bố Trạch	31027 THPT số 3 Bố Trạch	2NT		6.2	7.0	14.2

STT	Mã HS	Ng	Họ và tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường PT	KV	ĐT	Toán	Sinh	ĐTC
84	130	Điều dưỡng GMHS	Lê Thị Tú	Trinh	3/12/1996	3303 Huyện Quảng Điền	33014 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		6.3	7.5	14.8
85	3	Điều dưỡng GMHS	Thân Thị Việt	Trinh	15/11/1995	3301 Thành phố Huế	33007 THPT Nguyễn Trường Tộ	2		8.1	6.5	15.1
86	10	Điều dưỡng GMHS	Nguyễn Thị Minh	Trúc	4/3/1995	3301 Thành phố Huế	33004 THPT Gia Hội	2		7.4	7.0	14.9
87	326	Điều dưỡng GMHS	Hồ Thị Mỹ	Tuyên	19/7/1996	3302 Huyện Phong Điền	33012 THPT Tam Giang	2NT		6.9	6.7	14.6
88	167	Điều dưỡng GMHS	Đinh Phương Cẩm	Vân	30/11/1995	3208 Huyện Hướng Hoá	32034 THPT Hướng Hoá	1		6.6	6.8	14.9
89	23	Điều dưỡng GMHS	Trần Thị Hồng	Vân	1/5/1995	3304 Huyện Hương Trà	33041 THPT Hương Trà	2		7.1	6.8	14.4
90	88	Điều dưỡng GMHS	Lê	Vương	7/9/1996	3307 Huyện Phú Lộc	33020 THPT An Lương Đông	2NT		5.0	8.9	14.9
1	90	Y sỹ YHCT	Hồ Quỳnh	Anh	3/11/1996	3301 Thành phố Huế	33007 THPT Nguyễn Trường Tộ	2		6.2	6.7	13.4
2	155	Y sỹ YHCT	Trần Đình Phước	Anh	15/11/1996	3305 Huyện Phú Vang	33031 THPT Vinh Xuân	1		5.7	6.8	14.0
3	BĐ.9	Y sỹ YHCT	Trần Thị Kim	Cảnh	10/12/1996	3104 Huyện Quảng Trạch	31021 THPT số 3 Quảng Trạch	1		5.5	6.9	13.9
4	153	Y sỹ YHCT	Dương Thị Bảo	Châu	16/7/1995	3305 Huyện Phú Vang	33035 THPT Thuận An	2NT		5.6	6.0	12.6
5	95	Y sỹ YHCT	Lê Mai	Da	24/12/1996	3309 Huyện A Lưới	33024 THPT A Lưới	1	01	4.6	5.3	13.4
6	1	Y sỹ YHCT	Võ Thị	Dân	5/7/1992	3402 Thành phố Hội An	34009 THPT Trần Quý Cáp	2		6.7	6.1	13.3
7	150	Y sỹ YHCT	Nguyễn Văn	Đông	11/9/1995	3106 Huyện Quảng Ninh	31033 THPT Quảng Ninh	2NT		6.8	5.9	13.7
8	BĐ.21	Y sỹ YHCT	Lê Huỳnh	Đức	12/9/1996	3207 Huyện Hải Lăng	32012 THPT Hải Lăng	2NT		6.2	5.6	12.8
9	126	Y sỹ YHCT	Phan Thị Thùy	Dung	7/5/1995	3302 Huyện Phong Điền	33012 THPT Tam Giang	2NT		6.0	6.3	13.3
10	19	Y sỹ YHCT	Võ Thị Phương	Dung	30/4/1995	3206 Huyện Triệu Phong	32018 THPT Nguyễn Huệ	2		6.2	7.0	13.7
11	54	Y sỹ YHCT	Trần Thị Thùy	Dương	8/11/1996	3304 Huyện Hương Trà	33041 THPT Hương Trà	2		6.8	5.8	13.1
12	72	Y sỹ YHCT	Bạch Thị Ngọc	Giàu	15/2/1996	3307 Huyện Phú Lộc	33020 THPT An Lương Đông	2NT		5.3	6.7	13.0
13	81	Y sỹ YHCT	Đỗ Thị Thu	Hà	20/7/1995	3204 Huyện Gio Linh	32039 THPT Cồn Tiên	1		5.3	6.4	13.2
14	74	Y sỹ YHCT	Đỗ Thị Thu	Hằng	12/12/1996	3301 Thành phố Huế	33007 THPT Nguyễn Trường Tộ	2		5.4	7.6	13.5
15	48	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	7/6/1994	3102 Huyện Tuyên Hoá	31010 THPT Lê Trực-Tuyên Hoá	1		6.1	6.3	13.9
16	128	Y sỹ YHCT	Đỗ Thị	Hạnh	25/9/1996	3207 Huyện Hải Lăng	32022 THPT Vĩnh Định	2NT		5.7	7.0	13.7
17	47	Y sỹ YHCT	Trần Thị	Hiền	26/3/1995	4002 Huyện Ea H Leo	40050 THPT Phan Chu Trinh	1		6.5	5.0	13.0
18	52	Y sỹ YHCT	Đoàn Văn	Hiếu	10/2/1992	3302 Huyện Phong Điền	33011 THPT Phong Điền	2NT		5.6	6.0	12.6
19	107	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thị	Hít	20/12/1995	3309 Huyện A Lưới	33024 THPT A Lưới	1	01	4.5	4.8	12.8
20	67	Y sỹ YHCT	Nguyễn Mạnh	Hổ	8/7/1995	3102 Huyện Tuyên Hoá	31012 Trường THCS và THPT Bắc	1		5.3	6.7	13.5
21	BĐ.8	Y sỹ YHCT	Hồ Thị Minh	Hòe	20/12/1995	3309 Huyện A Lưới	33040 THPT Hồng Vân	1	01	4.2	5.6	13.3

STT	Mã HS	Ng	Họ và tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường PT	KV	ĐT	Toán	Sinh	ĐTC
22	63	Y sỹ YHCT	Hoàng Thị Phúc	Hương	23/9/1975	4211 Huyện Bảo Lâm	02057 THPT Phú Nhuận	3		6.1	7.6	13.7
23	131	Y sỹ YHCT	Nguyễn Ngọc An	Khương	8/11/1996	3301 Thành phố Huế	33042 THPT Cao Thắng	2		6.4	7.1	14.0
24	35	Y sỹ YHCT	Đặng Văn	Lam	20/2/1996	3107 Huyện Lệ Thuỷ	31042 TT GDTX Lệ Thuỷ	2NT		6.4	5.1	12.5
25	BĐ.14	Y sỹ YHCT	Võ Thị Nhật	Lễ	15/6/1992	2915 Huyện Thanh Chương	29079 THPT Đặng Thai Mai	2NT		6.6	6.2	13.8
26	BĐ.1	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thị Kim	Lịch	10/12/1995	3003 Huyện Hương Sơn	30029 THPT Cao Thắng	1		6.8	5.4	13.7
27	156	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thị	Minh	5/5/1995	3309 Huyện A Lưới	33024 THPT A Lưới	1	01	4.1	5.5	13.1
28	58	Y sỹ YHCT	Hoàng Thị	Mỹ	12/4/1996	3303 Huyện Quảng Điền	33014 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		5.4	6.7	13.1
29	23	Y sỹ YHCT	Nguyễn Hữu Bá	Nhã	15/5/1995	3307 Huyện Phú Lộc	33020 THPT An Lương Đông	2NT		6.6	6.3	13.9
30	BĐ.10	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thảo	Nương	31/1/1995	3801 Thành phố Pleiku	38004 Trường THPT Lê Lợi	1		5.8	6.6	13.9
31	143	Y sỹ YHCT	Phạm Trọng	Phước	24/3/1996	3306 Huyện Hương Thuỷ	33018 THPT Hương Thủy	2		6.3	6.1	12.9
32	161	Y sỹ YHCT	Dương Đăng	Phương	3/4/1996	3302 Huyện Phong Điền	33011 THPT Phong Điền	2NT		5.5	7.0	13.5
33	29	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thị Thanh	Phương	7/5/1994	3301 Thành phố Huế	33007 THPT Nguyễn Trường Tộ	2		6.5	7.2	14.2
34	132	Y sỹ YHCT	Cao Thị	Quý	10/2/1996	3102 Huyện Tuyên Hoá	04016 Dân Lập Hermann Gmeiner	3		5.9	6.7	12.6
35	130	Y sỹ YHCT	Hoàng Thị	Quyên	29/1/1996	3303 Huyện Quảng Điền	33014 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		6.0	6.7	13.7
36	34	Y sỹ YHCT	Đỗ Thị Mai	Sương	10/4/1993	3202 Thị xã Quảng Trị	32018 THPT Nguyễn Huệ	2		5.8	7.0	13.3
37	6	Y sỹ YHCT	Đặng Thị Hoài	Tâm	21/1/1994	3302 Huyện Phong Điền	33012 THPT Tam Giang	2NT		7.4	5.5	13.9
38	61	Y sỹ YHCT	Phạm Quốc	Thanh	7/8/1983	3305 Huyện Phú Vang	33016 THPT Phan Đăng Lưu	2NT		6.8	5.2	13.0
39	50	Y sỹ YHCT	Trương Thị Huệ	Thanh	23/9/1996	3304 Huyện Hương Trà	33030 THPT Bình Điền	1		4.6	7.6	13.7
40	89	Y sỹ YHCT	Hoàng Thị Thu	Thảo	17/6/1996	3208 Huyện Hướng Hoá	32034 THPT Hướng Hoá	1		5.9	6.5	13.9
41	32	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thị	Thảo	1/6/1995	3010 Huyện Kỳ Anh	30004 THPT Kỳ Lâm	1		5.5	5.4	12.4
42	115	Y sỹ YHCT	Trần Đình	Thiện	16/8/1995	3208 Huyện Hướng Hoá	32034 THPT Hướng Hoá	1	06	5.3	6.2	14.0
43	44	Y sỹ YHCT	Y	Thiệu	30/11/1995	3603 Huyện Ngọc Hồi	36021 PT DTNT H. Ngọc Hồi	1	01	5.0	4.7	13.2
44	65	Y sỹ YHCT	Y	Thúy	15/11/1994	3603 Huyện Ngọc Hồi	36027 THPT Nguyễn Trãi	1	01	5.4	4.7	13.6
45	125	Y sỹ YHCT	Hồ Thị	Thủy	8/8/1994	3309 Huyện A Lưới	33025 THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	1	01	4.5	5.7	13.7
46	146	Y sỹ YHCT	Huỳnh Xuân	Tình	17/8/1996	3801 Thành phố Pleiku	38002 Trường THPT Phan Bội Cha	1		6.1	6.3	13.9
47	53	Y sỹ YHCT	Nguyễn Hồ Minh	Trí	2/7/1996	3304 Huyện Hương Trà	33041 THPT Hương Trà	2		6.8	6.6	13.9
48	BĐ.6	Y sỹ YHCT	Nguyễn Minh	Trí	22/6/1996	3704 Huyện Hoài Nhơn	37037 THPT Nguyễn Trân	2NT		5.2	6.7	12.9
49	57	Y sỹ YHCT	Lê Văn	Trường	20/1/1994	3204 Huyện Gio Linh	32040 THPT Gio Linh	2NT		6.3	6.7	14.0

STT	Mã HS	Ng	Họ và tên		Ngày sinh	Hộ khẩu	Trường PT	KV	ĐT	Toán	Sinh	ĐTC
50	BĐ.3	Y sỹ YHCT	Lê Thị Mai	Uy	11/3/1996	3510 Huyện Mộ Đức	35043 THPT Trần Quang Diệu	2NT		6.8	6.4	14.2
51	140	Y sỹ YHCT	Phan Thị Diệu	Uyên	12/6/1995	3306 Huyện Hương Thuỷ	33019 THPT Phú Bài	2		6.5	5.3	12.3
52	66	Y sỹ YHCT	Mai Thị Thanh	Vân	8/11/1995	3306 Huyện Hương Thuỷ	33019 THPT Phú Bài	2		6.8	6.5	13.8
53	97	Y sỹ YHCT	Phạm Thị	Vân	14/3/1995	3303 Huyện Quảng Điền	33014 THPT Nguyễn Chí Thanh	2NT		4.7	6.7	12.4
54	36	Y sỹ YHCT	Phan Thị	Vân	18/7/1995	3105 Huyện Bố Trạch	31025 THPT số 1 Bố Trạch	2NT		6.6	6.4	14.0
55	BĐ.22	Y sỹ YHCT	Nguyễn Quang	Vươn	6/3/1996	3409 Huyện Núi Thành	34073 THPT Duy Tân	2	06	5.9	6.0	13.4
56	70	Y sỹ YHCT	Hồ Thị	Xuân	6/3/1994	3209 Huyện Đăk Rông	32060 THPT Số 2 Đakrông	1	01	4.6	5.2	13.3
57	162	Y sỹ YHCT	Lê Nguyễn Như	Ý	30/4/1996	3302 Huyện Phong Điền	33012 THPT Tam Giang	2NT		4.8	6.7	12.5
58	152	Y sỹ YHCT	Nguyễn Thị Kim	Yến	25/11/1995	0403 Quận Sơn Trà	04010 THPT Hoàng Hoa Thám	3		5.4	7.5	12.9

TT	Ngành	Điểm chuẩn
1	Điều dưỡng (GMHS)	14.2
2	Y sỹ Y học cổ truyền	12.3
3	Y sỹ (YHDP)	Không gọi thêm

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH